

LUẬN VĂN:

Nghiên cứu quy luật giá trị và vai trò của nó trong nền kinh tế nước ta để vận dụng

lời mở đầu

Sự chuyển đổi nền kinh tế thị trường (KTTT) theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là xu hướng tất yếu của mọi xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi mà nền kinh tế các nước phát triển trên thế giới đã đạt tới đỉnh cao và xu hướng vận động phát triển của thế giới đang tiến vào thế kỷ văn minh trí tuệ thì sự chuyển đổi KTTT theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là tất yếu khách quan của bất kì một quốc gia nào muốn vươn tới và hoà nhập với xu hướng phát triển chung của nhân loại.

Về mặt kinh tế, hiện nay Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia kém phát triển. Để có thể vươn lên đạt trình độ phát triển ngang hàng với các quốc gia khác, Việt Nam cần phải tìm cho mình con đường phát triển phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong nước, vừa đảm bảo xu thế phát triển chung của thế giới. Đó chính là việc chuyển sang nền KTTT định hướng XHCN.

Cơ chế thị trường chính là sự vận động khách quan của nền kinh tế hàng hoá. Các mối quan hệ trong cơ chế thị trường chịu sự tác động của nhiều quy luật kinh tế khách quan, trong đó có quy luật giá trị. Đó chính là cơ sở của lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh đối với các doanh nghiệp, là cơ sở của sự phát triển nền kinh tế đất nước theo con đường đã chọn. Chính vì vậy cần phải nghiên cứu quy luật giá trị và vai trò của nó trong nền kinh tế nước ta để vận dụng và đề ra những giải pháp nhằm vận dụng tốt hơn quy luật giá trị, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển theo đúng mục tiêu đã lựa chọn, từng bước nâng cao hiệu quả đời sống nhân dân.

nội dung

I_lí luận chung về quy luật giá trị trong nền kinh tế hàng hoá: 1. Nội dung của quy luật giá trị và cơ chế hoạt động của nó:

Quy luật giá trị là quy luật căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.

Theo quy luật giá trị, sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất tự quyết định hao phí lao động cá biệt của mình, nhưng giá trị của hàng hoá không phải được quyết định bởi hao phí lao động cá biệt của từng người sản xuất hàng hoá, mà bởi hao phí lao động xã hội cần thiết. Vì vậy, muốn bán được hàng hoá, bù đắp được chi phí và có lãi, người sản xuất phải điều chỉnh làm cho hao phí lao động cá biệt của mình phù hợp với mức chi phí mà xã hội chấp nhận được.

Trao đổi hàng hoá cũng phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, có nghĩa là trao đổi theo nguyên tắc ngang giá.

Sự vận động của quy luật giá trị thông qua sự vận động của giá cả hàng hoá. Vì giá trị là cơ sở của giá cả, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại. Trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các nhân tố: cạnh tranh, cung cầu, sức mua của đồng tiền. Sự tác động của các nhân tố này làm cho giá cả hàng hoá trên thị trường tách rời với giá trị và lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó. Sự vận động giá cả thị trường của hàng hoá xoay quanh trục giá trị của

nó chính là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng.

2. Nghiên cứu tác dụng của quy luật giá trị:

Tác dụng thứ nhất của quy luật giá trị: điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá:

Điều tiết sản xuất tức là điều hoà, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tác dụng này của quy luật giá trị thông qua sự biến động của giá cả hàng hoá trên thị trường dưới tác động của quy luật cung cầu. Nếu ở ngành nào đó khi cung nhỏ hơn cầu; giá cả hàng hoá sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hoá bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động được dịch chuyển vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt quá cầu, giá cả hàng hoá giảm xuống, hàng hoá bán không chạy và có thể lỗ vốn. Tình hình ấy buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hoá cao.

Điều tiết lưu thông của quy luật giá trị cũng thông qua giá cả trên thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường cũng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, do đó làm cho lưu thông hàng hoá thông suốt.

Như vậy, sự biến động của giá cả trên thị trường không những chỉ rõ sự biến động về kinh tế, mà còn có tác động điều tiết nền kinh tế hàng hoá.

Tác dụng thứ hai của quy luật giá trị: kích thích cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, lực lượng sản xuất xã hội phát triển nhanh:

Trong nền kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất hàng hoá là một chủ thể kinh tế độc lập, tự quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nhưng do điều kiện sản xuất khác nhau nên hao phí lao động cá biệt khác nhau, người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội của hàng hoá ở thế có lợi, sẽ thu được lãi cao.

Người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết sẽ ở thế bất lợi, thiếu vốn. Để giành lợi thế trong cạnh tranh và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản, họ phải hạ thấp hao phí lao động cá biệt của mình, sao cho bằng hao phí lao động xã hội cần thiết. Muốn vậy, họ phải luôn tìm cách cải tiến kĩ thuật, cải tiến tổ chức quản lí, thực hiện tiết kiệm chặt chẽ, tăng năng suất lao động. Sự cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn, mang tính xã hội. Kết quả là lực lượng sản xuất xã hội được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ.

Tác dụng thứ ba của quy luật giá trị: thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá thành kẻ giàu người nghèo:

Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kĩ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó phát tài, giàu lên nhanh chóng. Họ mua sắm thêm tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại, những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.

Tác dụng của quy luật giá trị có ý nghĩa: một mặt quy luật giá trị chi phối sự lựa chọn tự nhiên, đào thải các yếu kém, kích thích các nhân tố tích cực phát triển; mặt khác, phân hoá xã hội thành kẻ giàu người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội.

II_sự vận dụng quy luật giá trị trong xây dựng KTTT định hướng XHCN ở VN:

Cũng như các Đảng Cộng Sản và Nhà nước XHCN, Nhà nước XHCN Việt Nam coi trọng việc vận dụng quy luật giá trị trong việc quy định chính sách giá cả, kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, thực hiện hạch toán kinh tế, ...

1. Sự vận dụng quy luật giá trị trong sự hình thành cơ chế thị trường ở VN:

1.1. Giai đoạn trước đổi mới(trước 1986):

Trước năm 1986, chính sách điều chỉnh giá của Chính phủ ta trong giai đoạn này đã phủ nhận vai trò của quy luật giá trị trong nền kinh tế của nước ta. Trong giai đoạn này, với cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp, Nhà nước trực tiếp điều khiển nền kinh tế bằng hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh.

Cho đến 1964, ở Miền Bắc VN, hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước đã được hình thành trên cơ sở lấy giá thóc sản xuất trong nước làm căn cứ xác định giá chuẩn và tỷ lệ trao đổi. Hệ thống giá này về cơ bản được thực hiện cho đến năm 1980, trong khi điều kiện sản xuất, lưu thông, thị trường trong nước và quan hệ kinh tế đối ngoại đã có những thay đổi lớn. Hệ thống giá Nhà nước ngày càng thấp so với giá thị trường tự do. Quá trình diễn biến giá cả cho đến năm 1981 có thể được khái quát như sau:

_Hầu hết các hàng hoá và dịch vụ lưu thông trong nền kinh tế đều theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

_Trên thị trường có hai hệ thống giá: giá chỉ đạo của Nhà nước áp dụng trên thị trường có tổ chức và giá thị trường tự do biến động theo quan hệ cung cầu, đặc điểm của giá chỉ đạo là không chú ý đến quan hệ cung cầu và như bất biến.

_Hệ thống giá trong nền kinh tế phải được chỉ đạo tập trung do Nhà nước quy định và đưa vào cuộc sống như những chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước.

_Quan hệ cung cầu chỉ được chú ý đối với giá cả những hàng hoá không thiết yếu và không có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

_Toàn bộ giá cả thị trường trong nước không có quan hệ với giá thị trường thế giới. Giá cả được xây dựng trên cơ sở lấy giá trị trong nước làm căn cứ,

tách rời hệ thống giá quốc tế theo chủ trương xây dựng hệ thống giá độc lập tự chủ.

Điều đáng chú ý là từ sau năm 1975, khi đất nước thống nhất thì gần như toàn bộ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu trước đó ở Miền bắc lại được diễn ra trên cả nước.

Việc duy trì các chính sách tài chính, tín dụng, chính sách giá cả và tiền lương theo kiểu cấp phát, giao nộp hiện vật bình quân của nền kinh tế thời chiến đã gây tác hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế. Đồng thời cũng xuất hiện mức chênh lệch ngày càng lớn giữa mặt bằng giá do Nhà nước quy định và mặt bằng giá thị trường tự do, trong đó giá thị trường tự do gấp 7- 8 lần giá do Nhà nước quy định.

Từ năm 1976 đến 1985, tổng sản phẩm xã hội bình quân chỉ tăng 4,6%/năm. Sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, năng suất thấp, gây ra tổn kém và lãng phí. Chính vì vậy đã gây ra tình trạng trì trệ và kém phát triển của toàn bộ nền kinh tế, làm không đủ ăn và dựa vào nguồn tài trợ từ bên ngoài ngày càng lớn. Thu nhập quốc dân trong nước chỉ bằng 80 - 90% nhu cầu sử dụng trong nước, tích lũy trong nước thì nhỏ bé nhưng lại phải đứng trước nhu cầu chi tiêu lớn nên dẫn tới nợ nước ngoài ngày càng gia tăng. Tính đến năm 1985 nợ nước ngoài của Việt Nam đã là 8,5 tỷ rúp và 1,9 tỷ USD và ngân sách quốc gia luôn trong tình trạng thâm hụt (thâm hụt ngân sách năm 1980 là 18,1% và năm 1985 là 36,6%). Xuất khẩu hàng năm có tăng nhưng vẫn còn thấp so với giá trị nhập khẩu, cụ thể xuất khẩu chỉ bằng 20 - 40% của nhập khẩu. Chúng ta thường xuất khẩu các nguyên liệu thô chưa qua chế biến nên có giá trị thấp nhưng lại phải nhập khẩu các nguyên liệu qua chế biến với giá

thành cao. Hầu hết các hàng hóa thiết yếu phục vụ cuộc sống đều phải nhập khẩu toàn bộ hay một phần lớn do sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, thậm chí ngay cả vải và gạo cũng nằm trong danh mục nhập khẩu. Trong những năm 1976 - 1980 chúng ta đã nhập khẩu 60 triệu mét vải các loại và 1,5 triệu tấn lương thực quy gạo.

Tóm lại trong những năm 1976 đến 1985, do hoàn cảnh lịch sử của đất nước có nhiều thay đổi, nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung của nước ta đã tỏ ra không phù hợp, bộc lộ nhiều hạn chế, kìm hãm sự phát triển của kinh tế đất nước. Do đó, việc đổi mới cơ chế quản lí nền kinh tế là một yêu cầu rất bức thiết của Đảng và Nhà nước.

1.2. Giai đoạn sau đổi mới (1986 đến nay):

Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp đổi mới, tiến lên xây dựng CNXH ở nước ta. Đây thực sự là một cuộc cách mạng sâu sắc diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ những tư tưởng của Nghị quyết này, Nhà nước đã bước đầu tổng kết, đánh giá chính sách và cơ chế giá từ 1969 đến 1980, từ đó đề ra chủ trương phải cải cách giá và xem đó là khâu trung tâm của công cuộc đổi mới cơ chế kinh tế; phê phán chính sách và hệ thống giá đương thời, phê phán tư tưởng “kinh tế phi thị trường”, chỗ dựa lâu dài và vững chắc của chính sách và hệ thống giá vẫn tồn tại cho tới lúc bấy giờ. Sự phê phán này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đổi mới tư duy, đổi mới quan điểm về chính sách giá cả. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội lúc ấy, những căn cứ hoạch định chính sách giá cả có những thay đổi dẫn tới một sự thay đổi lớn về tư duy kinh tế. Nó bắt đầu tạo nền móng cho sự chuyển biến từ tư duy giá cả phi thị trường sang tư duy giá cả thị trường tức là giá phải phù hợp với sức mua của đồng tiền và có tính đến giá cả trên thị trường thế giới của hàng nhập, xoá bỏ những bất hợp lý của Nhà nước, và chấm dứt tình trạng xí nghiệp sản xuất, kinh doanh bị lỗ vốn do Nhà nước quy định giá không chính xác.

Bên cạnh đó, Đảng Cộng Sản và Chính phủ Việt Nam đã khẳng định cần phải thay đổi cơ bản về chính sách giá, lương, tiền tệ, tài chính nhằm triệt để xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN. Đây là một quyết định cải cách cơ chế kinh tế, lấy cải cách giá-lương-tiền làm khâu đột phá. Chủ trương thực hiện một cơ chế mới cực kì quan trọng về giá, đó là chính sách một giá thống nhất. Đây là một bước ngoặt lớn trong tư duy kinh tế, cũng như trong việc lựa chọn phương hướng cho chính sách giá cả.

Cũng trong Đại hội Đảng lần thứ VI, Nhà nước ta đã đề ra một số nhiệm vụ của công cuộc đổi mới, trong đó có:

_Thực hiện sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lí của Nhà nước, theo định hướng XHCN.

_Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng và cải tạo tốt các thành phần kinh tế khác. Theo đó chúng ta bước đầu thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, tôn trọng sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, song song với việc phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần thì Nhà Nước vẫn đóng vai trò điều tiết toàn bộ nền kinh tế và thành phần kinh tế quốc doanh vẫn đóng vai trò chủ đạo.

_Phải tiến hành việc bố trí lại cơ cấu kinh tế đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế. Trước hết phải tôn trọng và sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa tiền tệ, việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả. Bên cạnh đó trong lĩnh vực quản lý giá cả phải tuân theo sự vận động của các quy luật kinh tế riêng của nền kinh tế riêng trong đó quy luật giá trị đóng vai trò trung tâm, có tác động trực tiếp.

_Cùng với quá trình đổi mới là việc chúng ta thực hiện cơ cấu kinh tế mở, mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế đối ngoại. Song song với việc phát triển sản xuất ở trong nước chúng ta phải chú trọng tới hoạt động xuất khẩu các hàng hóa có giá trị thương phẩm cao để thu về nguồn ngoại tệ phục vụ cho công cuộc tái thiết đất nước. Bên cạnh đó cơ cấu nhập khẩu cần phải phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư sao cho có hiệu quả, tránh việc lãng phí.

Nhìn chung sau đại hội Đảng VI, những cải cách của Chính phủ đã tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển đúng hướng, nền kinh tế đã có những chuyển biến hết sức tích cực, mà cơ bản nhất đó chính là đã bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phát triển chủ trương đổi mới kinh tế của đại hội Đảng VI, các kỳ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX đã tiếp tục công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước với quan điểm tiếp tục xây dựng một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước, từng bước đưa nền kinh tế hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Đến nay, nền kinh tế của Việt Nam đã và đang trở thành một trong những nền kinh tế mạnh trong khu vực Đông Nam á với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2001- 2005 là xấp xỉ 7.5% / năm. Ngoài ra các thành phần kinh tế đã được tạo các điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển, đặc biệt là thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ tính riêng trong năm 2002 tổng số vốn đăng ký đầu tư vào Việt Nam là 1557,7 triệu USD, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

Hòa nhịp cùng sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế, các quy luật kinh tế riêng của nền kinh tế thị trường cũng đã và đang phát huy các tác động tích cực của mình trong vai trò cùng với Nhà nước điều tiết nền kinh tế. Riêng trong lĩnh vực quản lý giá cả chúng ta đã vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó quy luật giá trị đóng vai trò trung tâm có tác

động trực tiếp. Giá cả phải phù hợp với giá trị, đồng thời phải phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính tới quan hệ cung cầu.

Để vận dụng đúng đắn quy luật giá trị chúng ta cũng đã phải trải qua cả một quá trình thử nghiệm lâu dài, mà đó chính là quá trình cải cách chính sách quản lí giá. Trước hết chúng ta đã phấn đấu thi hành chính sách một giá trong nền kinh tế, đây là một bước ngoặt lớn trong tư duy kinh tế, cũng như trong việc lựa chọn phương hướng cho chính sách giá cả. Chủ trương xác định một giá kinh doanh thống nhất, nhưng vẫn trong cơ chế kinh doanh XHCN, chứ chưa chỉ rõ đó là cơ chế một giá thị trường. Do vậy ngay sau đó chủ trương một giá đã bộc lộ một số điểm không thích hợp. Trong cơ chế giá này, vai trò tự chủ của cơ sở không được đề cao. Hơn nữa, cơ chế này chưa tính tới vai trò của người tiêu dùng, tức là tiếng nói của người tiêu dùng trong việc định giá. Đây là nhược điểm có tính chất cơ bản, vẫn mang nặng tính chất độc quyền, áp đặt.

Nhìn chung trong giai đoạn đầu của quá trình đổi mới chúng ta chưa xác định được mô hình mới của chính sách và cơ chế quản lí giá nhằm tiến tới giá trị thị trường có điều tiết vĩ mô của Nhà nước, vẫn chưa thừa nhận một mức giá do thị trường quy định. Chính vì vậy chỉ khi chúng ta quyết định chuyển toàn bộ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lí vĩ mô của Nhà nước thì quy luật giá trị mới thật sự được thừa nhận. Sự thừa nhận đó được thể hiện trên các mặt như:

_Những kế hoạch phát triển toàn bộ nền kinh tế được đề ra mang tính định hướng chứ không mang tính pháp lệnh như trước, qua đó bước đầu thừa nhận các quy luật kinh tế riêng của nền kinh tế thị trường như quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, quy luật giá trị, quy luật cung cầu

_Giá cả của các loại hàng hóa về cơ bản là do thị trường quyết định, Nhà Nước chỉ can thiệp để bình ổn giá cả của một số loại hàng hóa đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế như xăng dầu, gạo

_Thực tiễn kinh tế đã chứng tỏ thị trường và giá cả trên thị trường là hiện tượng khách quan. Chúng hình thành và phát triển có quy luật và do đó có thể điều tiết bằng một chủ thể có thực lực và nhận thức được quy luật, có kinh nghiệm kinh doanh.

_Giá cả của thị trường trong nước ít nhiều đã chịu ảnh hưởng từ sự biến động của giá cả trên thị trường thế giới như việc tăng giá xăng dầu, tăng giá vàng...

_Trước đây, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các doanh nghiệp chờ đợi vào chỉ tiêu, vào kế hoạch của Nhà nước. Giờ đây trong cơ chế mới thì họ nhận tín hiệu chủ yếu từ thị trường, căn cứ vào yêu cầu của thị trường, xuất phát từ kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mà đề ra kế hoạch.

Là một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nên vai trò quản lí của Nhà nước đối với nền kinh tế là vô cùng quan trọng, Nhà nước với các công cụ quản lí kinh tế vĩ mô đang phối hợp rất tốt với các quy luật kinh tế riêng để điều tiết nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu phát triển đề ra mà không phủ định lại các quy luật khách quan.

Tuy nhiên đối với các quy luật kinh tế nói chung và quy luật giá trị nói riêng thì ngoài các tác động tích cực cũng vẫn luôn tồn tại các tác động mang tính tiêu cực mà chúng ta phải tìm cách hạn chế.

2. Ngăn chặn tác động phân hoá của quy luật giá trị:

Quy luật giá trị là một quy luật của nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường do đó nó luôn tồn tại cả những mặt tích cực và tiêu cực. Mặt tiêu cực đó chính là việc sẽ dẫn tới hình thành quan hệ chủ thợ, quan hệ người bóc lột người, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội XHCN của chúng ta. Nhưng chúng ta cũng phải thấy rằng bản thân quy luật giá trị biểu hiện sự ngang bằng giữa các tiêu chuẩn được dùng làm cơ sở để xây dựng quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa, nó nói lên tính chất ngang giá của việc trao đổi hoạt động giữa họ với nhau. Về cơ bản, chúng ta thấy rằng quy luật giá trị không phải là nguyên nhân dẫn tới sự hình thành của quan hệ người bóc lột người mà chỉ là trong quá trình hoạt động quy luật giá trị thực hiện sự lựa chọn và loại bỏ đối với những chủ thể kinh doanh, từ đó gián tiếp hình thành nên hai lớp người trong xã hội là người giàu và người nghèo. Sự đào thải đối với những cái yếu kém là một thực tế không thể tránh khỏi, tuy nhiên điều đáng nói là sự phân hóa giàu nghèo nếu quá sâu sắc sẽ dẫn tới bất bình đẳng xã hội, đi ngược với chủ trương phát triển đất nước theo con đường XHCN của Đảng và Nhà Nước ta, chính vì lẽ đó chúng ta mới cần tới sự quản lí vĩ mô của Nhà nước để ngăn chặn tác động phân hóa này. Cụ thể như Nhà Nước phải nắm giữ các ngành quan trọng trong nền kinh tế để có thể điều tiết, định hướng phát triển, ngăn chặn sự phát triển tự phát lên CNTB của nền kinh tế, đồng thời chúng ta cũng phải tạo các điều kiện thuận lợi giúp cho các hộ nghèo phát triển kinh tế để xóa đói giảm nghèo, phát triển các chương trình phúc lợi xã hội... để từng bước tạo ra sự công bằng trong xã hội.

III_Một số phương hướng và giải pháp nhằm vận dụng tốt hơn quy luật giá trị ở nước ta:

Vận dụng quy luật giá trị trong công tác quản lí kinh tế XHCN có nghĩa là vận dụng thị trường và các quan hệ thị trường.

Việc vận dụng quy luật giá trị, vận dụng thị trường và các quan hệ thị trường là phải làm cho chúng trở thành một công cụ bổ sung, kiểm tra mạnh mẽ đối với công tác kế hoạch nhằm quản lí có hiệu quả nền kinh tế XHCN.

Nhà nước chủ động vận dụng quy luật giá trị trong khu vực kinh tế quốc doanh cũ như trong khu vực kinh tế hợp tác và trong bộ phận nhỏ kinh tế cá thể đang tồn tại, phát huy tác dụng tích cực của nó, tức là lợi dụng quan hệ hàng hoá-tiền tệ trong công cuộc xây dựng và quản lí nền kinh tế XHCN có kế hoạch cân đối.

1. Những biện pháp kinh tế vĩ mô Nhà nước áp dụng để bình ổn giá cả thị trường xã hội:

Việc ổn định giá cả thị trường xã hội được thực hiện bằng những biện pháp kinh tế vĩ mô của Nhà nước và được đặt trong sự đổi mới tổng thể các công cụ quản lí nền kinh tế quốc dân. Sự tác động đồng bộ của hệ thống các công cụ này sẽ tạo nên sự cân đối giữa tổng cung và tổng cầu trên phạm vi toàn xã hội, và do đó, sẽ tác động đến sự hình thành và vận động của giá cả thị trường một cách ổn định. Trên góc độ nền kinh tế quốc dân, giá cả chịu sự tác động qua lại của các nhân tố như: tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, biến động của khối lượng tiền trong lưu thông tính cân đối của ngân sách, cán cân thanh toán, đầu tư nước ngoài, tỉ giá hối đoái,... Do đó, để bình ổn giá cả thị trường xã hội, Chính phủ đã sử dụng nhiều chính sách, biện pháp điều tiết vĩ mô tác động vào các nhân tố nêu trên, bảo đảm cân đối tổng cung và tổng cầu của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, từ đó tác động đến giá cả thị trường xã hội.

2. Một số biện pháp cụ thể được Đảng và Nhà nước ta áp dụng nhằm phát huy tốt hơn vai trò của quy luật giá trị trong cơ chế quản lí và điều tiết giá cả:

2.1. Định giá chuẩn và giá giới hạn:

Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, Nhà nước còn định giá một số ít vật tư, hàng hoá quan trọng mang tính chất độc quyền và giá tài nguyên, tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Mức giá do Nhà nước quy định có tính đến quy luật giá trị và quy luật cung cầu, được điều chỉnh linh hoạt để không thoát li mặt bằng giá thị trường.

2.2. Tăng cường công tác thông tin giá cả thị trường:

Vấn đề thiết lập mạng lưới thông tin giá cả, thị trường, phân tích, dự báo sự biến động giá cả hàng hoá, dịch vụ trên thị trường trong nước và ngoài nước là một biện pháp rất quan trọng trong việc quản lí giá theo cơ chế thị trường.

2.3. Tăng cường công tác thanh tra giá:

Trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách giá, Nhà nước cần tăng cường công tác thanh tra giá nhằm kịp thời phát hiện và đề xuất những biện pháp giải quyết những vướng mắc, sai trái trong cơ chế quản lí giá cho phù hợp.

2.4. Tăng cường sức mạnh của bộ máy quản lí Nhà nước về giá:

Phải tăng cường công tác thông tin tình hình diễn biến giá cả thị trường, phân tích và dự báo sự vận động giá cả thị trường để kịp thời đề ra các biện pháp nhằm bình ổn giá. Bình ổn giá cả thị trường là nhiệm vụ trọng tâm của công tác giá. Thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ của các ngành tài chính, ngân hàng, thương mại và các ngành sản xuất. Việt Nam có thể vận dụng kinh nghiệm của các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc trong việc thành lập uỷ ban bình ổn giá cả Nhà nước.

Từ khi chuyển sang hệ thống kinh tế thị trường, nhận thức đúng đắn bản chất hai mặt của giá thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm thích đáng đến công tác quản lí giá. Song nhiệm vụ trước mắt vẫn chứa đựng và nảy sinh nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Vì vậy, cần phải thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm trong nước và nghiên cứu học hỏi vận dụng những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với tình hình kinh tế Việt Nam là điều rất bức xúc, nhằm ngày càng hoàn thiện cơ chế quản lí giá ở Việt Nam, phát huy tác dụng đòn bẩy tích cực của hệ thống giá, thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh chóng và góp phần tác động tích cực vào công cuộc xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam.

Kết luận

Từ những phân tích nói trên đã chỉ ra rằng, quy luật giá trị là quy luật tồn tại một cách khách quan và cùng với một số quy luật tự nhiên khác có vai trò rất lớn đối với bất kì một đất nước nào muốn phát triển nền kinh tế theo con đường kinh tế thị trường. Đặc biệt ở Việt Nam, từ sau Đại hội Đảng VI, khi nước ta quyết định chuyển từ nền kinh tế quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lí của Nhà nước thì quy

luật giá trị ngày càng trở nên quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân. Chỉ có tôn trọng và vận dụng tốt quy luật giá trị thì toàn bộ nền kinh tế từ khâu sản xuất đến lưu thông mới có điều kiện để vận hành một cách trơn tru, mặt khác quy luật giá trị cũng tạo ra động lực để nền kinh tế phát triển, nâng cao năng suất lao động, thu được lợi nhuận cao.

Đất nước ta hiện nay đang trên đà phát triển một cách nhanh chóng, đặc biệt là về kinh tế với những thành tựu rất đáng khen ngợi. Sự phát triển này là do Đảng và Nhà nước đã có những chính sách phù hợp về kinh tế, đã vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế trong đó có quy luật giá trị. Hy vọng trong một tương lai không xa nền kinh tế nước ta sẽ ngày càng vững mạnh và có một vị thế trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Danh mục tài liệu tham khảo:

1. Bộ tư bản Mac-Anghen Quyển 1.
2. Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin - Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.
3. Tạp chí kinh tế phát triển – số 83/2004.
4. Tạp chí kinh tế phát triển – số 159/2004.
5. Tạp chí kinh tế phát triển – số 175/2003.
6. Quan hệ hàng hoá tiền tệ và quy luật giá trị cuối CNXH – Nhà xuất bản sự thật Hà Nội/1986.
7. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX – Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

Mục lục

Trang

Lời mở đầu

.....01

Nội dung

I_ Lý luận chung về quy luật giá trị trong nền kinh tế hàng hoá:

1. Nội dung của quy luật giá trị và cơ chế hoạt động của nó.....02
2. Nghiên cứu tác dụng của quy luật giá trị

.....03 II_ Sự vận dụng quy luật giá trị
trong nền kinh tế thị trường định hướng

XHCN ở Việt Nam:

1.Sự vận dụng quy luật giá trị trong sự hình thành cơ chế thị trường ở
VN.....04 2. Ngăn chặn tác động phân hoá của quy luật giá trị
.....09 III_ Một số phương hướng và giải pháp
nhằm vận dụng tốt hơn quy luật

giá trị ở nước ta:

1. Những biện pháp kinh tế vĩ mô Nhà nước áp dụng để bình ổn giá cả
thị trường xã hội

.....10

2. Một số biện pháp cụ thể được Đảng và Nhà nước ta áp dụng
nhằm phát huy tốt hơn vai trò của quy luật giá trị trong cơ chế quản lí

và điều tiết giá

cả.....10 Kết

luận.....1

2 Danh mục tài liệu tham khảo

.....13